

**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu
Dệt May**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011



Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 0103020072
0103020072

ngày 17 tháng 10 năm 2007
ngày 23 tháng 5 năm 2008

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh hai lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103020072 ngày 23 tháng 5 năm 2008. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Nguyên Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Quế	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Lý	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Phạm Nguyên Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Trọng Giá	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Quế	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 20 Phố Lĩnh Nam
Quận Hoàng Mai
Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh tại Hải Phòng

Số 315 Đường Đà Nẵng
Quận Ngô Quyền
Hải Phòng, Việt Nam

Văn phòng đại diện

Số 286C/11 Đường Nguyễn Tất Thành
Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 19 tháng 3 năm 2012. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

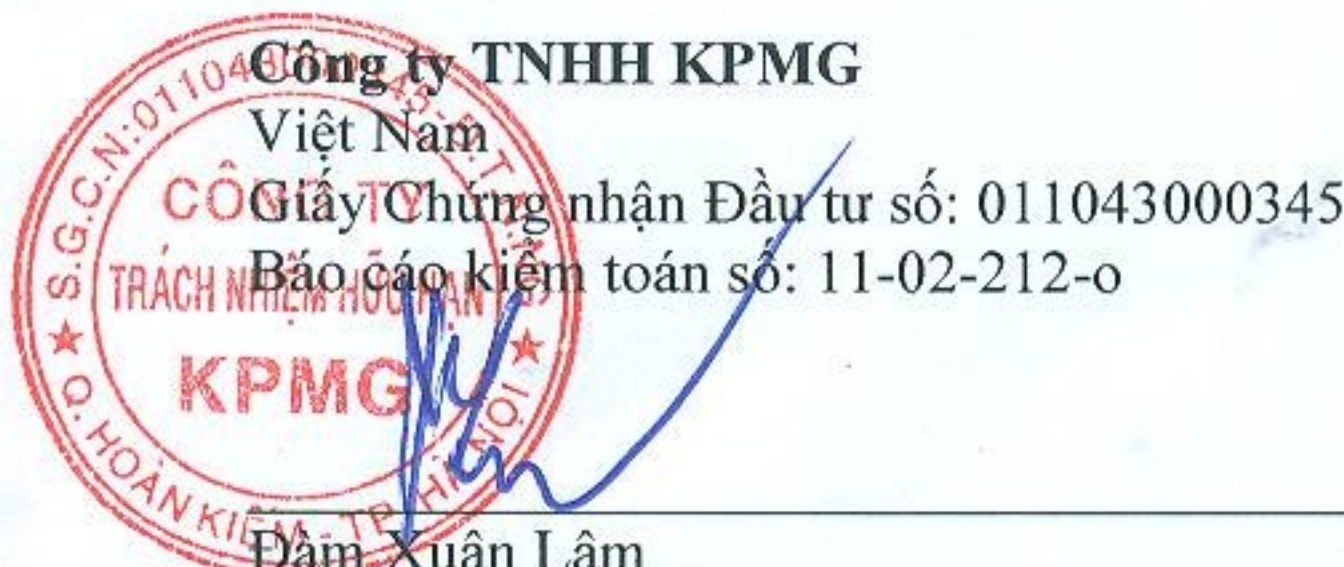
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán


Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Vấn đề lưu ý

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới Thuyết minh 2(d) của các báo cáo tài chính. Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thuyết minh 2(d) của các báo cáo tài chính thuyết minh thông tin về ảnh hưởng trong trường hợp Công ty lựa chọn áp dụng các quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.



Đàm Xuân Lâm
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0861/KTV
Phó Tổng Giám đốc


Lê Việt Hùng
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0296/KTV

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		440.790.120.021	346.050.734.550
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	28.775.085.878	44.064.109.397
Tiền	111		23.875.085.878	31.604.109.397
Các khoản tương đương tiền	112		4.900.000.000	12.460.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4	392.997.747.649	290.634.154.677
Phải thu khách hàng	131		377.003.042.145	256.757.410.681
Trả trước cho người bán	132		19.234.107.045	36.316.084.831
Các khoản phải thu khác	135		426.386.114	283.639.863
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(3.665.787.655)	(2.722.980.698)
Hàng tồn kho	140	5	6.841.170.558	5.683.075.392
Hàng tồn kho	141		6.887.167.175	5.729.072.009
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(45.996.617)	(45.996.617)
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.176.115.936	5.669.395.084
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		244.970.720	314.632.462
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.671.159.831	4.287.121.802
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		105.980.688	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.154.004.697	1.067.640.820
Tài sản dài hạn	200		6.629.594.011	6.674.301.740
Tài sản cố định	220		4.201.594.011	4.246.301.740
Tài sản cố định hữu hình	221	6	4.201.594.011	4.246.301.740
<i>Nguyên giá</i>	222		10.516.554.435	10.044.773.345
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.314.960.424)	(5.798.471.605)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	7	2.428.000.000	2.428.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		2.412.560.000	2.412.560.000
Đầu tư dài hạn khác	258		428.000.000	428.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(412.560.000)	(412.560.000)
TỔNG TÀI SẢN	270		447.419.714.032	352.725.036.290

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ ngắn hạn	310		397.907.228.572	310.909.082.983
Vay và nợ ngắn hạn	311	8	320.616.547.055	247.464.658.257
Phải trả người bán	312	9	60.051.133.978	44.328.736.041
Người mua trả tiền trước	313		6.868.626.820	10.220.838.745
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	1.895.009.860	1.055.120.923
Phải trả người lao động	315		2.309.131.028	2.926.750.484
Chi phí phải trả	316	11	2.323.236.071	2.565.988.355
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	3.549.006.833	2.177.344.235
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		294.536.927	169.645.943
Vay và nợ dài hạn	330		132.458.073	135.161.489
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	13	132.458.073	135.161.489
VỐN CHỦ SỞ HỮU				
Vốn chủ sở hữu	410		49.380.027.387	41.680.791.818
Vốn cổ phần	411	14	42.797.630.000	35.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		779.763.000	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(949.514.761)	909.096.546
Quỹ đầu tư phát triển	417		642.341.725	441.332.660
Quỹ dự phòng tài chính	418		177.335.417	110.332.395
Lợi nhuận chưa phân phối	420		5.932.472.006	5.220.030.217
TỔNG NGUỒN VỐN	440		447.419.714.032	352.725.036.290

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Lý
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Nguyên Hạnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	01	15	1.409.106.112.006	1.249.837.876.970
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	15	-	(4.999.523.698)
Doanh thu thuần	10		1.409.106.112.006	1.244.838.353.272
Giá vốn hàng bán	11	16	(1.366.438.716.165)	(1.209.713.755.411)
Lợi nhuận gộp	20		42.667.395.841	35.124.597.861
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	48.845.875.733	38.484.364.295
Chi phí tài chính	22	18	(60.760.954.356)	(45.384.454.888)
Chi phí bán hàng	24		(13.484.923.337)	(11.435.964.692)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(9.393.761.204)	(9.966.749.141)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.873.632.677	6.821.793.435
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	19	151.873.750	195.485.554
Chi phí khác	32		(86.657.813)	-
Lợi nhuận trước thuế	50		7.938.848.614	7.017.278.989
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	(2.006.376.608)	(1.742.823.772)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.932.472.006	5.274.455.217
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	1.609	1.507

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Lý
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Nguyên Hạnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	35.000.000.000	-	1.606.197.115	206.332.660	36.689.018	4.938.643.377	41.787.862.170
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	(697.100.569)	-	-	-	(697.100.569)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	5.274.455.217	5.274.455.217
Cổ tức (Thuyết minh số 22)	-	-	-	-	-	(4.200.000.000)	(4.200.000.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	235.000.000	73.643.377	(738.643.377)	(430.000.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trích thiếu năm trước	-	-	-	-	-	(54.425.000)	(54.425.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	35.000.000.000	-	909.096.546	441.332.660	110.332.395	5.220.030.217	41.680.791.818
Phát hành cổ phiếu	7.797.630.000	-	-	-	-	-	7.797.630.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	779.763.000	-	-	-	-	779.763.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	(1.858.611.307)	-	-	-	(1.858.611.307)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	5.932.472.006	5.932.472.006
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	201.009.065	67.003.022	(670.030.217)	(402.018.130)
Cổ tức (Thuyết minh số 22)	-	-	-	-	-	(4.550.000.000)	(4.550.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	42.797.630.000	779.763.000	(949.514.761)	642.341.725	177.335.417	5.932.472.006	49.380.027.387

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Lý
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Nguyễn Hạnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.325.647.588.715	1.288.485.223.181
Tiền chi trả cho nhà cung cấp	02		(1.223.154.719.950)	(1.098.817.108.849)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.061.813.612)	(8.787.818.370)
Tiền lãi vay đã trả	04		(39.938.911.849)	(22.846.294.966)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.333.596.702)	(1.536.637.494)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.610.014.951	56.459.104.128
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(143.778.978.878)	(189.097.643.298)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(93.010.417.325)	23.858.824.332
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(407.499.090)	(130.330.591)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	63.500.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(227.800.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		1.779.322.051	694.210.554
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.371.822.961	399.579.963
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		8.577.393.000	-
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		981.965.712.158	896.939.714.887
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(908.813.823.360)	(894.972.249.515)
Tiền trả cổ tức	36		(4.586.000.000)	(2.720.445.462)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		77.143.281.798	(752.980.090)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(14.495.312.566)	23.505.424.205
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		44.064.109.397	20.472.411.353
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(793.710.953)	86.273.839
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	28.775.085.878	44.064.109.397

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ

	2011 VND	2010 VND
Trả cổ tức bằng việc đối trừ với khoản phải thu	-	2.400.000.000

Người lập



Nguyễn Thị Kim Lý
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Nguyên Hạnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu phục vụ ngành may mặc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 114 nhân viên (31/12/2010: 117 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và thuyết minh thông tin về công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng Thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hoặc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính của Công ty. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không phải trình bày các số liệu so sánh do áp dụng phi hồi tố.

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái theo đó các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại vào cuối kỳ các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phép hoãn lại.

Nếu Công ty lựa chọn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, lãi thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm 575.960.325 VND (sau khi trừ đi ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 373.554.436 VND).

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư, bao gồm các khoản đầu tư vào công ty liên kết, được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 - 25 năm
▪ nhà xưởng và thiết bị	5 - 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	5 - 10 năm

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(l) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(n) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(o) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng gây tác động suy giảm (loãng giá).

(p) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	229.135.284	1.236.158.087
Tiền gửi ngân hàng	23.645.950.594	30.367.951.310
Các khoản tương đương tiền	4.900.000.000	12.460.000.000
	28.775.085.878	44.064.109.397

Tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm số ngoại tệ xấp xỉ 21.593 triệu VND (31/12/2010: 12.503 triệu VND).

4. Các khoản phải thu ngắn hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu từ các bên liên quan		
Thương mại	49.376.089.603	23.540.974.652

Khoản phải thu thương mại đối với bên liên quan được áp dụng các điều khoản thanh toán tương tự như các khoản phải thu thương mại cho các bên thứ ba.

Biến động dự phòng các khoản nợ khó đòi trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	2.722.980.698	486.648.489
Tăng dự phòng trong năm	1.274.740.758	2.236.332.209
Hoàn nhập	(331.933.801)	-
	3.665.787.655	2.722.980.698

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Để đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng, theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn.

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài số tiền trình bày ở trên, không có khoản dự phòng nợ khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu thương mại và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu, sau khi trừ dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	31/12/2011 VND
Trong hạn	179.428.784.536
Quá hạn dưới 1 năm	153.727.945.475
Quá hạn từ 1 - 2 năm	37.234.316.883
Quá hạn từ 2 -3 năm	2.020.180.197
Quá hạn trên 3 năm	1.352.413.513
	<hr/>
	373.763.640.604

5. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên vật liệu	427.397.826	3.487.138
Sản xuất phẩm dở dang	1.382.223.939	215.476.770
Thành phẩm	13.123.986	13.123.986
Hàng hóa	5.064.421.424	5.491.061.219
Hàng gửi đi bán	-	5.922.896
	<hr/>	<hr/>
	6.887.167.175	5.729.072.009
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(45.996.617)	(45.996.617)
	<hr/>	<hr/>
	6.841.170.558	5.683.075.392

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	45.996.617	307.463.718
Tăng dự phòng trong năm	-	8.400.000
Hoàn nhập	-	(269.867.101)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	45.996.617	45.996.617

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Nhà xưởng và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	5.519.113.519	578.326.089	3.181.300.365	766.033.372	10.044.773.345
Tăng trong năm	-	446.099.272	-	25.681.818	471.781.090
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.519.113.519	1.024.425.361	3.181.300.365	791.715.190	10.516.554.435
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.598.555.502	430.695.409	2.144.449.978	624.770.716	5.798.471.605
Khấu hao trong năm	162.877.773	123.651.425	177.076.716	52.882.905	516.488.819
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.761.433.275	554.346.834	2.321.526.694	677.653.621	6.314.960.424
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	2.920.558.017	147.630.680	1.036.850.387	141.262.656	4.246.301.740
Số dư cuối năm	2.757.680.244	470.078.527	859.773.671	114.061.569	4.201.594.011

Trong tài sản cố định hữu hình có số tài sản với nguyên giá là 3.060 triệu VND đã khấu hao hết tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 (31/12/2010: 2.566 triệu VND) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2010 và 2011	
	Tỷ lệ % sở hữu	VND
Đầu tư vốn dài hạn tại:		
▪ Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Đáp Cầu-Yên Phong	20%	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Coffee Indochine	20%	412.560.000
▪ Công ty khác		
Công ty 20 - Bộ Quốc phòng	10%	200.200.000
Công ty Cổ phần Cung ứng Vật tư	10%	227.800.000
		2.840.560.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(412.560.000)
		2.428.000.000

8. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	320.616.547.055	247.464.658.257

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất thực tế năm	Năm đáo hạn	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Khoản vay bên liên quan 1	VND	16% - 23%	2012	52.057.899.980	31.993.828.614
Khoản vay ngân hàng 1	VND	17,5% - 19,5%	2012	41.473.322.799	22.918.800.000
Khoản vay ngân hàng 2	VND	19% - 21%	2012	5.500.000.000	14.030.000.000
Khoản vay ngân hàng 3	VND	16% - 19%	2012	72.287.372.488	36.716.182.000
Khoản vay ngân hàng 4	VND	18,5% - 19,5%	2012	36.239.675.000	-
Khoản vay ngân hàng 5	VND	13,5%	2011	-	3.852.642.150
Khoản vay ngân hàng 6	USD	7% - 7,5%	2012	93.356.090.955	81.939.183.677
Khoản vay ngân hàng 7	USD	6,5% - 7,3%	2012	7.387.762.208	25.358.011.519
Khoản vay ngân hàng 8	USD	8% - 8,5%	2012	1.832.593.444	6.555.074.369
Khoản vay ngân hàng 9	USD	8% - 8,5%	2012	7.886.592.185	20.424.771.540
Khoản vay ngân hàng 10	EUR	4,75%	2012	2.595.237.996	-
Khoản vay ngân hàng 11	EUR	5%	2011	-	3.676.164.388
				320.616.547.055	247.464.658.257

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng thư bảo lãnh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

9. Phải trả người bán

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải trả các bên liên quan	8.290.878.092	3.162.406.743

Khoản phải trả thương mại đối với bên liên quan được áp dụng các điều khoản thanh toán tương tự như các khoản phải trả thương mại cho các bên thứ ba.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.259.400.017	149.120.184
Thuế xuất nhập khẩu	56.829.198	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	578.780.645	906.000.739
	<u>1.895.009.860</u>	<u>1.055.120.923</u>

11. Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí lãi vay	906.904.553	302.966.854
Chi phí phải trả khác	1.416.331.518	2.263.021.501
	<u>2.323.236.071</u>	<u>2.565.988.355</u>

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	101.821.320	65.582.567
Bảo hiểm xã hội	(208.231.147)	78.911.832
Cổ tức	-	36.000.000
Lãi trả chậm tạm tính	3.408.749.157	1.261.260.288
Các khoản phải trả, phải nộp khác	246.667.503	735.589.548
	3.549.006.833	2.177.344.235

13. Dự phòng trợ cấp thôi việc

	VND
Số dư đầu năm	135.161.489
Dự phòng lập trong năm	322.742.242
Dự phòng sử dụng trong năm	(325.445.658)
	132.458.073

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập từ 1 đến 3% tổng quỹ lương được dùng làm căn cứ để tính Bảo hiểm Xã hội theo Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty đã đóng 83 triệu VND vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (31/12/2010: 72 triệu VND), và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

14. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	4.279.763	42.797.630.000	3.500.000	35.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.279.763	42.797.630.000	3.500.000	35.000.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.279.763	42.797.630.000	3.500.000	35.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2011		2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	3.500.000	35.000.000.000	3.500.000	35.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	779.763	7.797.630.000	-	-
Số dư cuối năm	4.279.763	42.797.630.000	3.500.000	35.000.000.000

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)****15. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.404.956.969.633	1.246.485.316.270
▪ Cung cấp dịch vụ	2.445.175.224	1.925.330.385
▪ Doanh thu cho thuê	1.703.967.149	1.427.230.315
	<hr/> 1.409.106.112.006	<hr/> 1.249.837.876.970
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(4.999.523.698)
	<hr/> 1.409.106.112.006	<hr/> 1.244.838.353.272

16. Giá vốn hàng bán

	2011 VND	2010 VND
Hàng hoá và dịch vụ đã cung ứng	1.366.438.716.165	1.209.975.222.512
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(261.467.101)
	<hr/> 1.366.438.716.165	<hr/> 1.209.713.755.411

17. Doanh thu hoạt động tài chính

	2011 VND	2010 VND
Lãi tiền gửi	1.778.992.051	780.593.919
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.597.866.028	19.403.337.671
Thu nhập lãi từ các khoản trả chậm	25.469.017.654	18.300.432.705
	<hr/> 48.845.875.733	<hr/> 38.484.364.295

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

18. Chi phí tài chính

	2011 VND	2010 VND
Chi phí lãi vay	40.542.849.548	22.884.961.928
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.625.139.649	21.715.910.680
Chi phí tài chính khác	592.965.159	783.582.280
	<hr/> 60.760.954.356	<hr/> 45.384.454.888

19. Thu nhập khác

	2011 VND	2010 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	63.500.000
Các khoản khác	151.873.750	131.985.554
	<hr/> 151.873.750	<hr/> 195.485.554

20. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011 VND	2010 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành Năm hiện tại	2.006.376.608	1.742.823.772

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	7.938.848.614	7.017.278.989
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.984.712.154	1.754.319.747
Chi phí không được khấu trừ thuế	21.664.454	-
Thu nhập không bị tính thuế	-	(11.495.975)
	<hr/> 2.006.376.608	<hr/> 1.742.823.772

(c) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 25%.

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được tính toán dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 5.932.472.006 VND (2010: 5.274.455.217 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 3.687.998 cổ phiếu, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2011	2010
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	5.932.472.006	5.274.455.217
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	5.932.472.006	5.274.455.217

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2011	2010
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	3.500.000	3.500.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành vào ngày 5 tháng 10 năm 2011	187.998	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	3.687.998	3.500.000

22. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 24 tháng 3 năm 2011 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 4.550.000.000 VND, tương đương 1.300 VND một cổ phiếu. (2010: 4.200.000.000 VND, tương đương 1.200 VND một cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch		Số dư tại	
	2011 VND	2010 VND	ngày 31 tháng 12 2011 VND	2010 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam				
Trả cổ tức	2.957.500.000	2.730.000.000	-	-
Phải thu điều chuyển vốn đầu tư	-	2.400.000.000	-	-
Góp vốn	7.150.000.000	-	-	-
Phải thu khác	161.303.563	-	161.535.628	232.065
Các bên liên quan				
Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định				
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	135.188.722.167	97.642.319.397	35.900.670.366	9.722.571.346
Mua hàng hóa và dịch vụ	21.373.166.642	6.990.313.903	-	-
Công ty Cổ phần Dệt May Huế				
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	81.524.777.203	29.162.716.955	5.933.803.653	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	72.224.966.578	50.710.428.957	3.691.800.583	195.170.527
Công ty CP Nhuộm và Hoàn tất vải Vinatex				
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.981.906.900	3.943.003.900	3.132.837.975	7.176.337.121
Tổng Công ty May 10				
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.927.004.160	12.439.767.505	1.208.425.865	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	936.986.458	(6.258.282)	4.252.218
Công ty TNHH MTV Sợi chỉ may Phong Phú				
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.340.538.515	17.927.480.502	-	25.139.913
Công ty CP Dệt Vĩnh Phú				
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	45.774.109.278	-	356.531.111	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.609.434.856	9.076.637.487	-	46.170
Tổng Công ty Dệt May Hà Nội				
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	801.105.500	17.125.401.710	-	4.124.007.989
Mua hàng hóa và dịch vụ	60.277.423.997	62.380.643.247	2.773.128.041	2.571.510.035
Công ty CP Sợi Phú Thạnh				
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	13.301.947.560	-	-
Công ty CP Tài chính Dệt May				
Chi phí lãi vay	8.163.108.374	2.233.194.944	906.904.553	302.966.854
Công ty CP TCE Vina Denim				
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	-	1.400.711.944	986.139.665
Thành viên Ban Giám đốc				
Tiền lương và thưởng	800.638.901	578.406.761	59.902.925	55.057.000
Thành viên Hội đồng Quản trị				
Tiền lương và thưởng	495.196.022	467.460.148	52.200.000	44.258.000

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

24. Cam kết

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	288.496.880	209.141.690
Từ hai đến năm năm	971.587.520	752.566.760
Sau năm năm	6.603.375.813	5.299.438.576
	7.863.460.213	6.261.147.026

25. (Nợ phải trả)/tài sản thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có các khoản (nợ phải trả)/tài sản tiền tệ thuần như sau:

	USD	EUR	JPY
Tiền và các khoản tương đương tiền	136.221	495.574	35.580
Phải thu khách hàng	5.783.050	63.095	-
Phải trả người bán	(1.585.834)	-	-
Vay và phải trả ngắn hạn	(5.303.584)	(96.278)	-
	(970.146)	462.391	35.580

Rủi ro tiền tệ của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tiền tệ ngắn hạn vượt mức cho phép.

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày 31/12/2011 VND
1 USD	20.828
1 JPY	268
1 EUR	26.956

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến tố khác sẽ không thay đổi, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
USD (mạnh thêm 5%)	(77.612)
EUR (mạnh thêm 7,83%)	36.205
JPY (mạnh thêm 5%)	23.853

Biến động ngược lại của tỷ giá các loại tiền tệ sẽ có ảnh hưởng ngang bằng nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty.

26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nhân công	12.740.919.106	11.496.453.880
Chi phí khấu hao	516.488.819	1.664.742.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.748.861.000	1.740.899.938
Chi phí khác	7.872.415.616	6.500.617.326

27. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2010 (phân loại lại) VND	31/12/2010 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu khách hàng	256.757.410.681	256.421.429.005
Phải thu nội bộ	-	335.981.676

Người lập: *[Signature]*

Nguyễn Thị Kim Lý
Kế toán trưởng

Người duyệt: *[Signature]*


 Phạm Nguyên Hạnh
Tổng Giám đốc